

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Bình Liêu, Trường Tiểu học Tình Húc, Trường Mầm non Tình Húc và Khu nhà ở công vụ giáo viên tại Thôn Nà Phạ, xã Tình Húc, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh với các nội dung sau:

1. Vị trí, ranh giới:

- Vị trí: Tại Thôn Nà Phạ 2, xã Tình Húc, huyện Bình Liêu, tại lô đất ký hiệu GD-2 thuộc Quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5.000 huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2010-2025 và tầm nhìn ngoài năm 2025 đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3919/QĐ-UBND ngày 21/12/2010; Vị trí nghiên cứu được xác định là đất ở và đất công trình công cộng, cụ thể:

+ Phía Đông Bắc và phía Đông Nam giáp đường quy hoạch.

+ Phía Tây Nam và Phía Tây Bắc giáp đường quy hoạch.

- Hiện trạng sử dụng đất: Đất hoa màu.

- Ranh giới nghiên cứu quy hoạch: M1, M2, M3...M11, M12, M13;

2. Quy mô:

- Quy mô sử dụng đất: Tổng diện tích nghiên cứu quy hoạch: 34.588,73 m², trong đó:

+ Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Bình Liêu diện tích là: 21.134,86 m².

+ Trường Tiểu học Tình Húc diện tích là: 8.151,87 m².

+ Trường Mầm non Tình Húc và khu nhà ở công vụ giáo viên diện tích là: 5.300 m².

- Quy mô học sinh:

+ Trường dân tộc nội trú huyện Bình Liêu: 280 - 300 em học sinh.

+ Trường mầm non Tình Húc: 75 - 100 cháu học sinh.

+ Trường tiểu học tình húc: 240 - 280 em học sinh.

- Quy mô giáo viên ở tập thể: 32 - 40 giáo viên (gồm 16 phòng ở phục vụ chung cho cả số giáo viên giảng dạy tại Trường mầm non Tình Húc và Trường tiểu học Tình Húc có nhu cầu ở tập thể).

3. Quy hoạch sử dụng đất:

3.1. Trường dân tộc nội trú huyện Bình Liêu:

a. Khu học, thực hành + Khu nhà ở cho học sinh nội trú huyện:

Bảng cân bằng sử dụng đất

Stt	Phân loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng công trình	3.828,99	15,51
2	Đất sân bê tông + giao thông nội bộ	7.752,18	53,26
3	Đất cây xanh	5.259,05	31,23
Tổng diện tích đất quy hoạch		16.840,22	100,00

Bảng danh mục công trình:

Ký hiệu	Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao	Tổng diện tích sàn	Số lượng
1	Cổng chính	29,55		29,55	01
2	Cổng phụ	29,55		29,55	01
6	Nhà hiệu bộ	297,39	03	892,17	01
7	Nhà học lý thuyết	493,94	03	1.481,82	01
8	Nhà học thực hành bộ	402,20	03	1.206,6	01
9	Nhà vệ sinh học sinh	90,88	01	90,88	01
10	Nhà đa năng	950,33	01	950,33	01
11	Nhà ở nội trú học sinh	985,16	03	2.955,48	01
12	Nhà bếp + ăn	321,73	01	321,73	01
13	Nhà cầu	43,14	01	43,14	01
14	Nhà trực khu học tập	15,21	01	15,21	01
15	Nhà để xe	62,70	01	62,70	01
16	Nhà trực khu GDVH	15,21	01	15,21	01
17	Bể nước + Giếng khoan	92,00	01	92,00	01
18	Sân bê tông + sân nghi	1.604,00			01
19	Sân chơi, đường nội bộ	6.148,18			01
20	CX cảnh quan, thực nghiệm	5.259,05			
21	Hàng rào thép				
22	Hàng rào gạch				

- Mật độ xây dựng: 15,51%

- Hệ số sử dụng đất: 0,28 lần

- Tầng cao xây dựng: 1 – 3 tầng

b. Khu nhà công vụ dành cho giáo viên:

Bảng cân bằng sử dụng đất

Stt	Phân loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng công trình	802,14	18,68
2	Đất sân bê tông + giao thông nội bộ	2.078,02	48,38
3	Đất cây xanh	1.414,48	32,94
Tổng diện tích đất quy hoạch		4.294,64	100,00

Bảng danh mục công trình:

Ký hiệu	Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao	Tổng diện tích sàn (m ²)	Số lượng
5	Cổng				01
43	Nhà ở công vụ giáo viên	423,29	02	846,58	01
44	Nhà bếp + ăn	252,51	01	252,51	01
45	Nhà cầu	19,60	01	19,60	01
46	Nhà trực	15,21	01	15,21	01
47	Nhà để xe	42,90	01	42,90	01
48	Bể nước + Giếng khoan	32,00		32,00	01
49	Trạm biến áp	16,00		16,00	01
50	Sân bê tông + sân nghi thức	993,41			01
51	Sân chơi, đường nội bộ	1.084,61			
20	CX cảnh quan, thực	1.414,68			
21	Hàng rào thép				
22	Hàng rào gạch				

- Mật độ xây dựng: 18,7%
- Hệ số sử dụng đất: 0,29 lần
- Tầng cao xây dựng: 1 – 2 tầng

3.2. Trường tiểu học Tỉnh Húc:
Bảng cân bằng sử dụng đất:

Stt	Phân loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng công trình	1.454,69	17,85
2	Đất sân bê tông + giao thông nội bộ	4.251,62	52,15
3	Đất cây xanh	2.445,56	30,00
Tổng diện tích đất quy hoạch		8.151,87	100,00

- Bảng danh mục công trình:

Ký hiệu	Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao	Tổng diện tích sàn (m ²)	Số lượng
3	Cổng trường				01
23	Nhà hiệu bộ	292,86	02	585,72	01
24	Nhà học lý thuyết + wc	496,03	02	992,06	01
25	Nhà thực hành – Dự kiến	496,03	02	992,06	01
26	Nhà cầu	29,68	01	29,68	01
27	Nhà cầu – Dự kiến	29,68	01	29,68	01
28	Nhà trực	15,21	01	15,21	01
29	Nhà để xe	62,70	01	62,70	01
30	Bể nước + Giếng khoan	32,00			01

31	Sân bê tông + sân nghi	1.434,41		01
32	Sân tập giáo dục thể chất	720,45		01
33	Sân, đường nội bộ	2.829,28		
20	CX cảnh quan, thực	1.713,04		
21	Hàng rào thép			
22	Hàng rào gạch			

- Mật độ xây dựng: 17,9%
 - Hệ số sử dụng đất: 0,23 lần
 - Tầng cao xây dựng: 1 – 2 tầng
- 3.3. Trường mầm non Tỉnh Húc:
- Bảng cân bằng sử dụng đất:

Stt	Phân loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng công trình	1.103,52	20,82
2	Đất sân bê tông + giao thông nội bộ	2.642,05	49,85
3	Đất cây xanh	1.554,43	29,33
Tổng diện tích đất quy hoạch		5.300,00	100,00

- Bảng danh mục công trình:

Ký hiệu	Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao	Tổng diện tích sàn (m ²)	Số lượng
4	Cổng trường				01
34	Nhà hiệu bộ	380,88	01	380,88	01
35	Nhà học	495,51	01	495,51	01
36	Nhà bếp + Chuẩn bị	94,02	01	94,02	01
37	Nhà cầu	43,00	01	43,00	01
38	Nhà trực	15,21	01	15,21	01
39	Nhà để xe	42,90	01	42,90	01
40	Bể nước + Giếng khoan	32,00	01	32,00	01
41	Sân bê tông + sân nghi	937,31			01
42	Sân chơi, đường nội bộ	1.704,74			
20	CX cảnh quan, thực	1.554,43			
21	Hàng rào thép				
22	Hàng rào gạch				

- Mật độ xây dựng: 20,9%
 - Hệ số sử dụng đất: 0,21 lần
 - Tầng cao xây dựng: 1 tầng
4. Quy hoạch thiết kế hạ tầng kỹ thuật:
- 4.1. Quy hoạch san nền:

- Cao độ không chế: Theo Quy hoạch chung xây dựng (Tỷ lệ 1/5.000) huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2010-2025 và tầm nhìn ngoài năm 2025 đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt ngày 21/12/2010 kèm theo Quyết định số 3919/QĐ-UBND ngày 21/12/2010.

- Hướng san nền: Dốc từ Đông sang Tây và từ Nam xuống Bắc.
- Cốt cao nhất: +140,00 (Phía Đông lô đất quy hoạch cụm trường);
- Cốt thấp nhất: +133,00 (Phía Tây lô đất quy hoạch cụm trường);
- Độ dốc san nền: %.

4.2. Quy hoạch giao thông:

- Điểm đầu nối: Theo các tuyến đường quy hoạch trong quy hoạch chung đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt ngày 21/12/2010.

- + Độ dốc dọc: Từ 0,8% đến 3,5%.
- Kết cấu sân đường: Bê tông mác 200 dày 200.

4.3. Quy hoạch cấp nước:

+ Nguồn nước: Trước mắt dùng nguồn nước ngầm (Khoan giếng) và nước mặt. Về lâu dài dùng nguồn nước sạch chung của huyện Bình Liêu.

- + Dùng mạng ống chính D32-40 cấp từ nguồn cho các công trình.
- + Dùng ống tráng kẽm D25 cấp từ các bể chứa cho các thiết bị qua hệ thống bơm tự động.

4.4. Quy hoạch thoát nước:

+ Thoát nước mưa: Được thu qua hệ thống cống thoát nước mưa $B \times H = (400-500) \times (600-850)$ trên sân và đường giao thông nội bộ trước khi chảy ra hệ thống thoát nước chung theo Quy hoạch chung được duyệt.

+ Thoát nước bẩn: Nước thải sinh hoạt được thu vào các bể tự hoại (xử lý vi sinh) sau đó được thoát ra ngoài và đầu nối vào hệ thống thoát nước chung.

4.5. Quy hoạch cấp điện:

+ Nguồn cấp điện: Lấy từ mạng cao thế 35kV của khu vực vào trạm điện riêng, công suất 560KVA-35(22)/0,4KV (Xây dựng trong Khu nhà ở công vụ giáo viên).

+ Điện chiếu sáng: Được chiếu sáng bằng đèn cao áp cột bát giác liền cần đơn cao 8m bố trí khoảng cách giữa các cột từ 30m-35m.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai các bước tiếp theo của dự án Trường Phổ thông dân tộc nội trú huyện Bình Liêu, Ủy ban Nhân dân huyện Bình Liêu triển khai các bước tiếp theo của dự án Trường mầm non Tỉnh Húc và trường Tiểu học Tỉnh Húc theo quy định: công bố công khai quy hoạch được duyệt; hoàn thiện các hồ sơ thiết kế, dự án, đầu nối hạ tầng kỹ thuật; lưu trữ hồ sơ; hoàn thiện hồ sơ đất đai; triển khai xây dựng công trình theo quy hoạch và thiết kế được duyệt; phối hợp cùng các cơ quan chức năng, đơn vị có liên quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước, triển khai các bước tiếp theo đảm bảo quy định;

- Sở Xây dựng, thực hiện chức năng quản lý nhà nước của ngành theo các quy định hiện hành; hướng dẫn chủ đầu tư triển khai các bước tiếp theo, theo quy định;

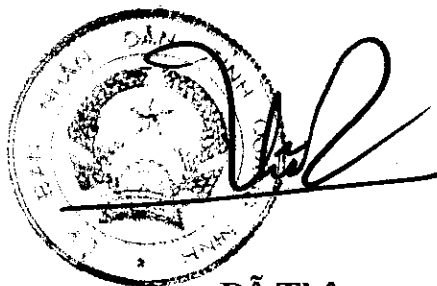
Điều 3. Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện Bình Liêu; Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh; Thủ trưởng các ngành và đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh (B/c);
- Như điều 3 (thực hiện);
- V0, V1, V2, V4, HC1, QH1-2, QLDD1-2; XD1-2, TH1;
- Lưu: VT, QH3.

25 bản-QĐ03-08

TM. UBND TỈNH QUẢNG NINH
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Thông